

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **TỔNG HỢP**

### **QUÝ 4 NĂM 2017**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.851.778.080.252</b>	<b>1.702.660.813.645</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>49.630.328.064</b>	<b>63.529.729.130</b>
1. Tiền	111	1	49.630.328.064	63.529.729.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.152.029.426.038</b>	<b>1.169.266.795.776</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	501.786.695.589	655.815.639.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	153.121.436.082	144.836.411.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	145.300.000.000	197.660.905.630
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	360.189.346.932	281.888.227.120
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(8.797.396.009)	(111.462.684.968)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		429.343.444	528.296.215
<b>IV. Hàng hoá tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>589.857.207.279</b>	<b>435.239.351.145</b>
1. Hàng hoá tồn kho	141		611.585.936.931	457.199.357.448
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.728.729.652)	(21.960.006.303)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>60.261.118.871</b>	<b>34.624.937.594</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.052.621.786	1.364.108.675
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.789.706.339	33.045.825.965
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	17	15.418.790.746	215.002.954
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.247.424.854.763</b>	<b>2.046.275.491.406</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>460.468.852.235</b>	<b>409.726.487.027</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	6.456.000.000	6.780.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	454.012.852.235	402.946.487.027
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>811.192.065.145</b>	<b>759.369.304.703</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	10	807.866.680.877	723.545.054.427
- Nguyên giá	222		1.363.877.142.450	1.187.418.520.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(556.010.461.573)	(463.873.465.970)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	11	3.325.384.268	35.824.250.276
- Nguyên giá	225		5.634.308.358	47.123.451.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.308.924.090)	(11.299.201.604)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. TSCĐ vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		158.000.000	158.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.000.000)	(158.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>13.390.309.818</b>	<b>13.872.843.510</b>
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.085.700.807)	(603.167.115)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>317.340.651.671</b>	<b>160.330.109.627</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		317.340.651.671	160.330.109.627
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>2</b>	<b>624.063.609.843</b>	<b>698.731.658.408</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.152.739.353	312.781.059.444
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		278.770.091.423	347.322.587.354
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		125.247.365.199	117.948.165.199
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(50.106.586.132)	(79.320.153.589)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.969.366.051</b>	<b>4.245.088.131</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	20.969.366.051	4.245.088.131
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.099.202.935.015</b>	<b>3.748.936.305.051</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.711.248.587.924</b>	<b>2.433.401.387.975</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.421.286.802.928</b>	<b>1.205.789.350.500</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	286.515.221.697	369.035.042.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	16.066.244.009	30.611.810.843
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	17	15.847.787.001	8.617.801.633
4. Phải trả cho người lao động	314	18	86.825.108.832	83.917.942.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.597.221.502	1.613.888.665
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiến độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	24.346.100.422	23.890.421.778
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	979.013.973.147	685.921.831.324
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.075.146.318	2.180.611.318
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.289.961.784.996</b>	<b>1.227.612.037.475</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		26.838.427.000	14.208.579.002
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	25.326.000.000	6.826.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.237.797.357.996	1.206.577.458.473
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.387.954.347.091</b>	<b>1.315.534.917.076</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.387.954.347.091</b>	<b>1.315.534.917.076</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		746.708.910.000	733.505.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		312.634.705.568	293.991.397.568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		296.242.455.522	255.669.433.507
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		65.514.123.707	22.628.084.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		230.728.331.815	233.041.348.746
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	22	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.099.202.935.015</b>	<b>3.748.936.305.051</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Trinh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý 4 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4		Lũy kế đến quý báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4	3	4
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	797.105.840.886	761.975.185.686	2.865.705.084.165	2.917.786.598.839
2 - Các khoản giảm trừ	02		-	7.864.489	-	58.321.264
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10= 01-03)	10	VI.2	797.105.840.886	761.967.321.197	2.865.705.084.165	2.917.728.277.575
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	782.883.817.610	687.534.345.041	2.686.175.444.799	2.565.733.302.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.222.023.276	74.432.976.156	179.529.639.366	351.994.975.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	145.355.327.707	117.493.352.402	336.564.689.051	202.340.107.652
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	20.781.162.657	38.747.255.144	83.029.616.024	100.764.667.837
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		16.010.933.705	13.551.095.331	73.176.012.327	71.196.502.253
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	34.114.051.354	29.963.169.763	90.413.296.261	90.812.357.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	41.389.250.770	51.477.932.508	110.798.128.303	126.883.240.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		63.292.886.202	71.737.971.143	231.853.287.829	235.874.817.058
11. Thu nhập khác	31	VI.8	24.024.656	970.811.635	2.968.101.880	5.187.722.859
12. Chi phí khác	32	VI.9	(14.645.972.994)	10.839.056	3.666.391.226	7.594.524.503
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		14.669.997.650	959.972.579	(698.289.346)	(2.406.801.644)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		77.962.883.852	72.697.943.722	231.154.998.483	233.468.015.414
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		77.962.883.852	72.697.943.722	231.154.998.483	233.468.015.414
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lê Thị Tú Anh

Đặng Thanh Phước

Phạm Xuân Trinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.890.019.069.913	2.906.745.551.447
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.821.546.299.245)	(2.498.552.370.234)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(240.395.472.923)	(212.306.567.548)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(80.497.863.025)	(88.171.137.890)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		73.718.235.800	84.152.372.846
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(64.103.338.612)	(98.837.913.824)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(242.805.668.092)</b>	<b>93.029.934.797</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(289.861.855.477)	(170.460.550.135)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		863.440.000	8.049.284.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	(1.980.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.075.803.084	13.293.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(32.389.033.768)	(79.615.744.692)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		104.182.888.000	209.028.540.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		250.222.189.609	248.521.168.653
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>46.093.431.448</b>	<b>226.835.697.826</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.958.870.231.914	2.677.147.528.864
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.635.928.026.183)	(2.885.559.109.285)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(140.129.370.153)	(142.389.739.769)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>182.812.835.578</b>	<b>(350.801.320.190)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(13.899.401.066)</b>	<b>(30.935.687.567)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	V.1	<b>63.529.729.130</b>	93.849.745.916
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	615.670.781
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>49.630.328.064</b>	<b>63.529.729.130</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



CHỖ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Trinh

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4/2017**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán bông, xơ, sợi dệt, hàng may mặc;...

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có chương trình phần mềm

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.400.275.848	1.152.861.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.230.052.216	62.376.868.062
<b>Cộng</b>	<b>49.630.328.064</b>	<b>63.529.729.130</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>270.152.739.353</b>	-	<b>312.781.059.444</b>	<b>(40.060.782.459)</b>
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	42.872.026.710	-	42.872.026.710	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	121.530.712.643	-	121.530.712.643	-
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	-	23.530.320.091	(23.530.320.091)
Công ty TNHH Linen Supply Services	-	-	19.098.000.000	(16.530.462.368)
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	105.750.000.000	-	105.750.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>278.770.091.423</b>	<b>(34.870.820.608)</b>	<b>347.322.587.354</b>	<b>(35.349.293.272)</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	-	-	50.632.741.945	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	-	-	12.171.270.094	(971.270.095)
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	-	6.615.800.129	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(25.655.700.608)	144.586.200.608	(25.655.700.608)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	-	-	7.299.200.000	(873.202.569)
Công ty cổ phần may Gia Phúc	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân	18.994.120.000	(2.849.120.000)	18.994.120.000	(2.849.120.000)
Công ty TNHH Linen Supply Services	6.366.000.000	(6.366.000.000)	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>125.247.365.199</b>	<b>(15.235.765.524)</b>	<b>117.948.165.199</b>	<b>(3.910.077.858)</b>
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(412.689.373)

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(1.337.103.882)	1.337.103.882	-
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may VN	11.282.879.453	(4.725.954.997)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(1.078.721.195)	2.984.184.383	(340.239.134)
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lãng Cô	7.299.200.000	(873.202.569)		
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	14.093.555.469	-	14.093.555.469	-
<b>Cộng</b>	<b>674.170.195.975</b>	<b>(50.106.586.132)</b>	<b>778.051.811.997</b>	<b>(79.320.153.589)</b>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	<b>79.320.153.589</b>
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(39.729.892.733)
Trích bổ sung	10.516.325.276
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>50.106.586.132</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>187.486.754.407</b>	<b>372.279.265.307</b>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	45.984.313.851
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	30.779.599.990	71.239.135.962
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	68.330.000.504	67.867.351.724
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		38.981.604.810
Công ty cổ phần dệt may Đông Nam	-	217.250.875
Công ty TNHH Coast Phong Phú	61.133.310.622	83.849.547.695
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại Phong Phú	10.257.930.237	10.266.070.298
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	15.908.289.955	48.092.908.649
Công ty TNHH Linen Supply Services	1.077.623.099	3.001.411.260
Công ty cổ phần may Gia Phúc	-	2.779.670.183
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>314.299.941.182</b>	<b>283.536.374.622</b>
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	-	77.737.998.287
Các khách hàng khác	314.299.941.182	205.798.376.335
<b>Cộng</b>	<b>501.786.695.589</b>	<b>655.815.639.929</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	<b>90.608.914.736</b>
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức		2.608.914.736
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		88.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>153.121.436.082</b>	<b>54.227.497.114</b>
Picanol N.V	-	28.117.221.876
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	91.600.000.000	
Các nhà cung cấp khác	61.521.436.082	26.110.275.238
<b>Cộng</b>	<b>153.121.436.082</b>	<b>144.836.411.850</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<b>77.500.000.000</b>	<b>191.160.905.630</b>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		68.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Deawon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	45360.905.630
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<b>67.800.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	67.800.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>145.300.000.000</b>	<b>197.660.905.630</b>

##### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<b>6.564.000.000</b>	<b>6.780.000.000</b>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	1.656.000.000	1.980.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.456.000.000</b>	<b>6.780.000.000</b>

#### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>169.100.109.592</b>	<b>(456.756.127)</b>	<b>193.111.852.107</b>	<b>(7.649.146.264)</b>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang – Tiền lãi vay	5.908.658.030	-	2.022.124.792	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang – Tiền cổ tức	-			
Công ty cổ phần Xúc tiến thương mại và Đầu tư Phong Phú - Cổ tức được chia			184.716.108	
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Lợi nhuận được chia	136.000.000.000	-	74.600.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú – Lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai		-	71.823.494.446	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi vay			18.408.826.385	(7.192.390.137)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất			6.988.025.086	
Công ty cổ phần dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	26.023.174.882	-	18.162.256.666	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	1.168.276.680	(456.756.127)	922.408.624	(456.756.127)
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>191.089.237.340</b>	<b>(4.542.551.090)</b>	<b>88.776.375.013</b>	<b>(4.542.551.090)</b>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú – Lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	97.626.966.668			
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi vay	24.710.354.163			
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	15.918.588.440			
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	28.155.996.716		43.655.996.716	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.677.331.353	(4.542.551.090)	45.120.378.297	(4.542.551.090)
<b>Cộng</b>	<b>360.189.346.932</b>	<b>(4.999.307.217)</b>	<b>281.888.227.120</b>	<b>(12.191.697.354)</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	434.257.522.603	-	401.868.488.835	-
- Dự án khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Dự án khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9	127.243.931.844	-	113.285.020.627	-
- Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	-	25.102.773.208	-
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	-	13.480.695.000	-
Ký quỹ dài hạn	19.755.329.632	-	1.077.998.192	-
<b>Cộng</b>	<b>454.012.852.235</b>	<b>-</b>	<b>402.946.487.027</b>	<b>-</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### 7. Nợ xấu

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.183.179.862</b>	<b>473.513.279</b>	<b>109.945.087.984</b>	<b>7.721.869.110</b>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	-	-	91.345.219.481	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	-	-	16.233.232.949	6.629.034.440
Công ty TNHH Linen Supply	507.312.904	254.402.448	1.690.768.596	873.723.839
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	675.866.958	219.110.831	675.866.958	219.110.831
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.390.174.756</b>	<b>3.302.445.330</b>	<b>10.637.605.785</b>	<b>1.398.139.691</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.573.354.618</b>	<b>3.775.958.609</b>	<b>120.582.693.769</b>	<b>9.120.008.801</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	111.462.684.968
Trích lập dự phòng bổ sung	952.512.000
Hoàn nhập dự phòng	(103.617.800.959)
<b>Số cuối quý</b>	<b>8.797.396.009</b>

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	98.837.340.581	(5.951.966.990)	51.137.583.628	(5.951.966.990)
Công cụ, dụng cụ	-	-	8.672.369	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	315.115.916.442	-	255.465.229.725	-
Thành phẩm	178.971.204.013	(15.776.762.662)	132.372.405.412	(15.994.426.236)
Hàng hóa	-	-	25.568.663	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	18.661.475.895	-	18.189.897.651	-
<b>Cộng</b>	<b>611.585.936.931</b>	<b>(21.728.729.652)</b>	<b>457.199.357.448</b>	<b>(21.960.006.303)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	21.960.006.303
Hoàn nhập dự phòng	(231.276.651)
<b>Số cuối quý</b>	<b>21.728.729.652</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	483.636.364	
Chi phí sửa chữa	1.057.205.463	341.908.675
Chi phí thuê	1.420.216.000	1.022.200.000
Chi phí khác	91.563.959	
<b>Cộng</b>	<b>3.052.621.786</b>	<b>1.364.108.675</b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	12.704.219.246	
Công cụ, dụng cụ	4.908.174.585	1.866.588.131
Chi phí thuê	3.288.500.000	2.378.500.000
Chi phí khác	68.472.220	
<b>Cộng</b>	<b>20.969.366.051</b>	<b>4.245.088.131</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	251.160.887.134	908.317.874.775	25.338.686.345	2.601.072.143	1.187.418.520.397
Mua trong năm		6.231.738.536	-	1.344.835.000	7.576.573.536
Đầu tư XDCB hoàn thành	28.056.278.380	115.196.372.518			143.252.650.898
Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		41.489.143.522			41.489.143.522
Thanh lý, nhượng bán		(15.859.745.903)			(15.859.745.903)
Giảm khác (*)					-
<b>Số cuối quý</b>	<b>279.217.165.514</b>	<b>1.055.375.383.448</b>	<b>25.338.686.345</b>	<b>3.945.907.143</b>	<b>1.363.877.142.450</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	95.127.200.027	349.155.324.936	17.246.705.997	2.344.235.010	463.873.465.970
Khấu hao trong năm	9.378.606.523	84.149.480.812	2.481.936.643	327.392.994	96.337.416.972
Thanh lý, nhượng bán		(14.512.642.112)			(14.512.642.112)
Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		10.312.220.743			10.312.220.743
<b>Số cuối quý</b>	<b>104.505.806.550</b>	<b>429.104.384.379</b>	<b>19.728.642.640</b>	<b>2.671.628.004</b>	<b>556.010.461.573</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	156.033.687.107	559.162.549.839	8.091.980.348	256.837.133	723.545.054.427
<b>Số cuối quý</b>	<b>174.711.358.964</b>	<b>626.270.999.069</b>	<b>5.610.043.705</b>	<b>1.274.279.139</b>	<b>807.866.680.877</b>

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	47.123.451.880	11.299.201.604	35.824.250.276
Tăng trong năm		1.321.943.229	
Khấu hao trong năm		(10.312.220.743)	
Giảm do chuyển sang TSCĐ hữu hình	(41.489.143.522)		
<b>Số cuối quý</b>	<b>5.634.308.358</b>	<b>2.308.924.090</b>	<b>3.325.384.268</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	158.000.000	158.000.000	
Khấu hao trong năm			
<b>Số cuối quý</b>	<b>158.000.000</b>	<b>158.000.000</b>	<b>-</b>

### 13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.476.010.625	603.167.115	13.872.843.510
Khấu hao trong năm		482.533.692	
<b>Số cuối quý</b>	<b>14.476.010.625</b>	<b>1.085.700.807</b>	<b>13.390.309.818</b>

Bất động sản đầu tư là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.545.260.359	5.829.043.039
Xây dựng cơ bản dở dang	313.432.627.312	149.087.285.572
Sửa chữa văn phòng	2.362.764.000	5.413.781.016
<b>Cộng</b>	<b>317.340.651.671</b>	<b>160.330.109.627</b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>186.936.494.674</i>	<i>239.613.404.132</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	121.424.987.445	125.576.720.072
Tập đoàn dệt may Việt Nam	66.000.000	
Công ty cổ phần XTTM và ĐT Phong Phú	123.970.000	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	29.754.969.425	32.876.284.653
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	35.566.567.804	81.160.399.407
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>99.578.727.023</i>	<i>129.421.638.548</i>
Công ty TNHH SXTM Thành Vinh	-	38.541.830.000
Các nhà cung cấp khác	99.578.727.023	90.879.808.548
<b>Cộng</b>	<b>286.515.221.697</b>	<b>369.035.042.680</b>

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>11.178.817.236</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	-	11.178.817.236
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>16.066.244.009</i>	<i>19.432.993.607</i>
Cty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	6.103.666.109	9.470.415.707
<b>Cộng</b>	<b>16.066.244.009</b>	<b>30.611.810.843</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	89.060.624		135.017.212	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.834.975	-	7.233.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	735.104.387	-	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	7.261.207.597		6.609.100.330	-
Thuế tài nguyên	29.007.719		25.199.999	-
Tiền thuê đất	8.468.511.061	14.672.851.384	1.848.484.092	-
Các loại thuế khác	-		-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.847.787.001</b>	<b>15.418.790.746</b>	<b>8.617.801.633</b>	<b>215.002.954</b>

**18. Phải trả người lao động**

Số dư cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.388.175.127</b>	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	2.388.175.127	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (10%)</b>	<b>5.209.046.375</b>	<b>1.613.888.665</b>
Chi phí hoa hồng phải trả	849.833.832	1.483.888.665
Chi phí lãi vay phải trả	722.106.797	
Chi phí kiểm toán	145.000.000	130.000.000
Chi phí gia công	978.195.403	-
Chi phí nghỉ mát	2.363.636.364	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	150.273.979	-
<b>Cộng</b>	<b>7.597.221.502</b>	<b>1.613.888.665</b>

**20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.420.315.152</b>	<b>7.106.444.570</b>
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	1.420.315.152	2.106.444.570
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước		5.000.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>22.925.785.270</b>	<b>16.783.977.208</b>
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm	312.022.850	25.749.955
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	851.966.695	963.092.165
Lãi vay phải trả	15.010.005.203	14.885.491.314
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.751.790.522	909.643.774
<b>Cộng</b>	<b>24.346.100.422</b>	<b>23.890.421.778</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>25.326.000.000</b>	<b>6.826.000.000</b>
Cty CP đầu tư Phước Long - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Cty TNHH Xây dựng Phong Đức - Nhận góp vốn dài hạn	18.500.000.000	
Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.326.000.000</b>	<b>6.826.000.000</b>

### 21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	<b>6.500.000.000</b>
<i>Vay Tập đoàn dệt may Việt Nam <sup>(i)</sup></i>		6.500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<b>979.013.973.147</b>	<b>679.421.831.324</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<b>858.235.237.823</b>	<b>674.592.102.070</b>
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM</i>	13.331.360.073	155.694.076.455
<i>Vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC</i>	161.726.753.324	119.920.639.612
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	199.796.640.928	186.329.105.813
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	350.621.646.149	121.419.253.414
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam</i>	-	36.023.596.917
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín</i>	-	4.721.670.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội</i>	132.758.837.349	50.483.759.859
Vay dài hạn đến hạn	120.778.735.324	3.205.782.224
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		1.623.947.030
<b>Cộng</b>	<b>979.013.973.147</b>	<b>685.921.831.324</b>

#### 21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.237.797.357.996</b>	<b>1.206.577.458.473</b>
- Vay dài hạn ngân hàng	251.070.694.632	120.511.978.618
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(ii)</sup></i>		18.293.351.566
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup></i>	233.305.166.271	94.818.004.668
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	17.765.528.361	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín<sup>(viii)</sup></i>		1.954.689.264
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội<sup>(viii)</sup></i>		5.445.933.120
- Vay dài hạn các tổ chức khác(x)	633.343.824.056	623.524.758.708
<i>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</i>	531.012.225.976	521.193.160.628
<i>Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi Onshine Investment Limited</i>	32.000.000.000	32.000.000.000
	70.331.598.080	70.331.598.080
- Vay dài hạn các cá nhân <sup>(x)</sup>	153.382.839.308	145.224.759.054
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác</i>	153.382.839.308	145.224.759.054
- Nợ thuê tài chính	-	3.315.962.093
<i>Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam</i>		2.858.709.230
<i>Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam</i>	-	457.252.863
- Trái phiếu thường dài hạn <sup>(xi)</sup>	200.000.000.000	314.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.237.797.357.996</u></b>	<b><u>1.206.577.458.473</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa PP	Cộng
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>733.505.810.000</b>	<b>32.368.276.001</b>	<b>293.991.397.568</b>	<b>255.669.433.507</b>	<b>1.315.534.917.076</b>
<b>2. Tăng trong kỳ</b>	<b>13.203.100.000</b>	-	<b>18.643.308.000</b>	<b>231.154.998.483</b>	<b>263.001.406.483</b>
Tăng từ kết quả kinh doanh	13.203.100.000		18.643.308.000,00	231.154.998.483	263.001.406.483
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	<b>190.581.976.468</b>	<b>190.581.976.468</b>
Phân phối lợi nhuận năm 2016 :	-	-	-	190.155.309.800	190.155.309.800
Trong đó :					
+ <i>Phân phối quỹ tại TCT</i>				<i>44.921.164.000</i>	<i>44.921.164.000</i>
+ <i>Chi có phiếu thương</i>				<i>13.203.100.000</i>	<i>13.203.100.000</i>
+ <i>Chia cổ tức năm 2016</i>				<i>132.031.045.800</i>	<i>132.031.045.800</i>
Phân phối lợi nhuận năm 2017 :					
+ <i>Tạm phân phối quỹ tại TCT</i>				<i>426.666.668</i>	<i>426.666.668</i>
+ <i>Thù lao HĐQT+BKS</i>					
Giảm do phân phối lại LN				<i>426.666.668</i>	<i>426.666.668</i>
Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>746.708.910.000</b>	<b>32.368.276.001</b>	<b>312.634.705.568</b>	<b>296.242.455.522</b>	<b>1.387.954.347.091</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	359.417.850.000
<b>Cộng</b>	<b><u>746.708.910.000</u></b>	<b><u>733.505.810.000</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.190.304.128.517	1.163.714.584.656
Doanh thu bán các thành phẩm	1.567.948.179.473	1.602.701.428.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.211.147.175	128.721.563.731
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	21.405.130.487
Doanh thu trường mầm non	1.241.629.000	1.243.891.500
<b>Cộng</b>	<b><u>2.865.705.084.165</u></b>	<b><u>2.917.786.598.839</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	58.321.264
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>58.321.264</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.189.847.962.314	1.121.297.441.576
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.403.348.055.398	1.359.412.588.905
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	91.957.166.989	62.816.174.257
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	17.917.551.986
Giá vốn mầm non	1.052.715.757	932.836.210
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.276.651)	3.356.709.071
<b>Cộng</b>	<b><u>2.685.974.623.807</u></b>	<b><u>2.565.733.302.005</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	118.096.612	226.500.545
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư tài chính	17.367.258.055	40.264.282.616
Cổ tức, lợi nhuận được chia	313.578.550.428	154.813.128.351
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.874.700.317
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.350.040.732	-
Doanh thu tài chính khác	150.743.224	161.495.823
<b>Cộng</b>	<b><u>336.564.689.051</u></b>	<b><u>202.340.107.652</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### 5. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Chi phí lãi vay	73.176.012.327	71.196.502.253
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	558.105.185	13.311.564.671
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.657.480.005	10.602.693.306
Chi phí liên quan đến nhượng bán các khoản đầu tư tài chính	100.000.000	1.705.834.654
(Hoàn nhập) /trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	6.537.134.728	6.797.192.953
Chi phí tài chính khác	883.779	(2.849.120.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>83.029.616.024</u></b>	<b><u>100.764.667.837</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	26.748.018.971	26.230.684.443
Chi phí vật liệu, bao bì	209.066.017	220.370.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.348.449	87.131.280
Chi phí vận chuyển	14.450.002.178	17.125.240.968
Chi phí khác	48.940.860.646	47.148.930.706
<b>Cộng</b>	<b><u>90.413.296.261</u></b>	<b><u>90.812.357.792</u></b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Chi phí nhân viên	55.883.849.806	55.115.784.523
Chi phí nguyên vật liệu	6.058.871.585	6.921.578.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.206.751.565	1.989.630.860
Thuế, phí và lệ phí	6.258.289.191	3.644.357.088
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(15.671.658.045)	4.361.268.544
Chi phí khác	56.062.024.201	54.850.620.651
<b>Cộng</b>	<b><u>110.798.128.303</u></b>	<b><u>126.883.240.535</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.891.996.208	3.184.410.450
Thu bồi thường tiền hàng	-	455.153.386
Thu nhập khác	76.105.672	1.548.159.023
<b>Cộng</b>	<b><u>2.968.101.880</u></b>	<b><u>5.187.722.859</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tiền thuê đất nộp bổ sung	1.307.228.405	
Chi phí đền bù tài sản trên đất	-	7.409.163.659
Chi phí khác	2.359.162.821	185.360.844
<b>Cộng</b>	<b><u>3.666.391.226</u></b>	<b><u>7.594.524.503</u></b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

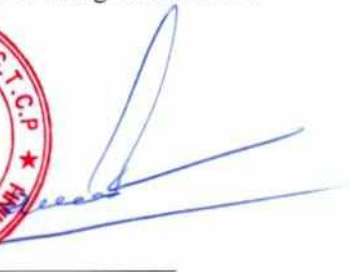
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2017



Lê Thị Tú Anh  
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trinh  
Tổng Giám đốc

C.P.